

Bản án số: 122/HNGĐ- ST

Ngày 29/7/2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quán Vi Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Lê Vinh Hương.

2. Bà Trương Thị Bích Hiệp.

Thư ký phiên tòa: Bà Sầm Thị Thanh Sương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 87/2020/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 về “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trương Thị K**, sinh năm 1989.

Trú tại: Xóm V, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(Có mặt)

Bị đơn: Anh **Trương Văn T**, sinh năm 1991.

Trú tại: Xóm T, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn lập ngày 08/01/2020 và tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trương Thị K trình bày: Chị Trương Thị K và anh Trương Văn T đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An ngày 30/5/2018. Hôn nhân của anh chị hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị sống chung hạnh phúc được một thời gian, sau đó

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống khác nhau. Chị K cho rằng anh T không quan tâm, tôn trọng chị. Mỗi lần vợ chồng mâu thuẫn anh T thường đánh đập chị và đuổi chị ra khỏi nhà. Do không chịu được nên chị K đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xóm V, xã T, huyện Q sinh sống từ tháng 5 năm 2020 đến nay. Chị K nhận thấy vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với anh Trương Văn T.

Về con chung: Giữa chị và anh Trương Văn T có một người con chung là Trương Anh Thư, sinh ngày 20/11/2018. Nếu ly hôn chị Kiều có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Trương Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Trương Thị Kiều xác định không có nợ chung.

Đối với bị đơn Trương Văn T trình bày: Anh và chị Trương Thị K đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Q, tỉnh N ngày 30/5/2018. Hôn nhân của anh chị hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn anh chị sống chung hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, một lần mâu thuẫn chị K nói hờn láo nên anh có dùng vũ lực với chị. Sau đó, chị K bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xóm V, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An sinh sống và làm đơn ly hôn với anh. Anh nhận thấy vợ chồng mới phát mâu thuẫn nên muốn được đoàn tụ để nuôi con và anh không đồng ý ly hôn với chị K.

Về con chung: Anh T thừa nhận giữa anh và chị K có một người con chung chung là Trương Anh T, sinh ngày 20/11/2018. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con và anh không yêu cầu chị Kiều cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Trương Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Trương Văn T xác định không có nợ chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp tại phiên tòa:

Về việc giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử; quá trình hỏi và tranh luận tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trương Thị Kiều. Cho chị Trương Thị K được ly hôn anh Trương Văn T.

Về con chung: Áp dụng các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Trương Anh T, sinh ngày 20/11/2018 cho chị Trương Thị K trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trương Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

Về tài sản chung: Chị Trương Thị K và anh Trương Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc chị K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Trương Thị K làm đơn xin ly hôn với anh Trương Văn T và đề nghị giao nuôi con chung. Do đó, vụ án này được xác định là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn”, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Trương Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm T, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trương Thị K và anh Trương Văn T kết hôn ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân giữa chị K và anh T đảm bảo về điều kiện kết hôn và đúng nghi thức theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống chung không hạnh phúc nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2020 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án tại phiên hòa giải chị Trương Thị K nhất quyết xin ly hôn. Anh Trương Văn T không đồng ý ly hôn và có nguyện vọng trở lại đoàn tụ. Tại phiên tòa hôm nay chị Trương Thị K vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Trương Văn T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận cho chị Trương Thị Kiều được ly hôn anh Trương Văn T.

[3] Về con chung: Nếu ly hôn, chị Trương Thị K và anh Trương Văn T đều đề nghị được giao nuôi con chung Trương Anh T, sinh ngày 20/11/2018, thấy rằng: Con chung của anh chị dưới 36 tháng tuổi nên cần giao con cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Thị K và anh Trương Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội chị Trương Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 56; 81; 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- **Về hôn nhân:** Chị Trương Thị K được ly hôn anh Trương Văn T.

- **Về con chung:** Buộc anh Trương Văn T giao con chung Trương Anh T, sinh ngày 20/11/2018 cho chị Trương Thị K trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trương Văn T.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- **Về án phí:** Chị Trương Thị K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng. Được khấu trừ số tiền 300.000đ do chị K đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0001662 ngày 19 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An. Chị Trương Thị K đã nộp đủ tiền án phí.

Án xét xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 29/7/2019.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện Quỳnh Hợp;
- THADS huyện Quỳnh Hợp;
- UBND xã Nghĩa Xuân,
huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Quán Vi Tuấn

